**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

 **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Số:**

 **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

 **BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG**

|  |  |
| --- | --- |
| CHÚ Ý: | 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.
 |

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện/ Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực…

|  |  |
| --- | --- |
| **1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ**  |  |
| * 1. Số Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (đối với cá nhân):……...……

Ngày cấp: ………………………. Có giá trị đến: ……………………………………………..Địa chỉ thường trú: ………………………………….……………………………………………. |
| * 1. Mã số thuế (đối với tổ chức):………………………………………………………………………

Địa chỉ trụ sở chính: ………………………………….…………….……………………………..Cơ quan quản lý thuế: ………………………………….………………………………………… |
| 1.3. Địa chỉ liên lạc: …………………………………………………………………………………. |
| 1.4. Số điện thoại liên hệ :…………………………………………………………………………...... |
| 1. **ĐĂNG KÍ TÀI KHOẢN TRỰC TUYẾN** (nếu có nhu cầu và chỉ kê khai thông tin này đến khi phải sử dụng tài khoản định danh điện tử để thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo quy định)
 |
| Số điện thoại di động: ………………… Email:…………………………………………........... |
| **3. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ**  |  Trực tiếp  Dịch vụ bưu chính  Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến  Trực tuyến qua hình thức trực tuyến khác:…………  |
| **4. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN** (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng) |
|  01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép  |
| **5. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:**5.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.5.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.5.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.5.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.5.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định. |
|  | *……, ngày….. tháng….. năm…….***QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ***(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền* *đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)***Họ và tên** |

**HƯỚNG DẪN**

**KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG**

**I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:**

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

**Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Thông tin và Truyền thông**, **115 Trần Duy Hưng – Trung Hòa – Cầu giấy - Hà Nội**

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

**Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Khu vực 1**: 115 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội.Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564913 | **Khu vực 5**: Số 783, Đại lộ Tôn Đức Thắng, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng.Điện thoại: 0225.3827857 / Fax: 0225.3827420 |
| **Khu vực 2:** Số 45 đường Trần Lựu, khu phố 5, phường An Phú, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.Điện thoại: 028.37404179; Fax: 028.37404966 | **Khu vực 6**: Số 364, đường Lê Nin, phường Hưng Phúc, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An.Điện thoại: 0238.3833511; Fax: 0238.3849518 |
| **Khu vực 3**: Số 539, đường Trần Hưng Đạo, phường An Hải Tây, quận Sơn Trà, Tp. Đà Nẵng.Điện thoại: 0236.3933545; Fax: 0236.3933707 | **Khu vực 7**: Tổ 6 thôn Phú Trạch, xã Vĩnh Thạnh, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.Điện thoại: 0258.3892567; Fax: 0258.3824410. |
| **Khu vực 4**: Số 170, đường Nguyễn Văn Cừ, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ. Điện thoại: 0292.3832760; Fax: 0292.3887087 | **Khu vực 8:** Phường Dữu Lâu, Tp. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504 Fax: 0210. 3840504. |

**II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bản khai thông tin chung** | Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép. |
| Số: | Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép. |
| Mục 1. | Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.*Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.* *Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.* |
| Mục 1.1. | Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/ chứng minh nhân dân/ hộ chiếu đối với cá nhân  |
| Mục 1.2. | Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức. |
| Mục 1.3. | Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/ tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. |
| Mục 1.4. | Kê khai số điện thoại liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ. |
| Mục 2. | Kê khai email và số điện thoại di động của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép nếu có nhu cầu để Cơ quan quản lý cấp tài khoản điện tử, đồng thời để gửi các thông tin hỗ trợ. Chỉ kê khai thông tin tại mục này cho đến thời điểm bắt buộc sử dụng mã định danh điện tử để thực hiện thủ tục hành chính trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo quy định của pháp luật. |
| Mục 3. | Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong bốn hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3. - Đánh dấu "X" vào ô “Trực tuyến qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến” thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc các hình thức trực tuyến khác đối với tổ chức, cá nhân có tài khoản trên Cổng dịch vụ công trực tuyến. - Đánh dấu "X" vào ô “Trực tuyến qua phương thức điện tử khác” và điền thông tin phương thức điện tử khác nhận kết quả ví dụ email, zalo,…. Kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua phương thức điện tử do tổ chức, cá nhân cung cấp.Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính. |
| Mục 4 | Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:* Đánh dấu “X” vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.
 |
| Ký tên, đóng dấu | * Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép - Trường hợp nộp hồ sơ qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này. |

**BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1d**

Áp dụng đối với thiết bị phát thanh, truyền hình

 **Cấp € Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số ………..**

**Tờ số: ……………/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác: …………..**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. LOẠI ĐÀI:** |  Phát thanh tương tự Phát thanh số  Truyền hình số Khác:……………….  |
| 1.1. Giấy phép hoạt động báo chí theo quy định đối với Cơ quan báo chí. | Số  |  | Ngày cấp |  |
| Thời hạn  | từ ngày đến ngày  |
| 1.2. Giấy phép viễn thông theo quy định | Số  |  | Ngày cấp |  |
| Thời hạn  | từ ngày đến ngày  |
| 1.3. Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình (nếu có) | Số  |  | Ngày cấp |  |
| Thời hạn  | từ ngày đến ngày  |
| **2. LOẠI MẠNG**  |  Đơn tần Đa tần Khác:………….. |
| **3. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG** |  |
| **4. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)** |
|  1 năm 2 năm 3 năm 10 năm Khác:…………. |
| **5. DANH MỤC KÊNH CHƯƠNG TRÌNH PHÁT SÓNG TRÊN KÊNH TẦN SỐ ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP**  |
| **Tên kênh chương trình** | **Tốc độ bit tối đa/tối thiểu (Mbit/s)** |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
| **6. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN** |
| 6.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất |  |
| 6.2. Công suất danh định (W) |  | 6.3. Công suất phát sóng đề nghị (W) |  |
| 6.4. Băng tần thiết bị phát |  | 6.5. Hệ - tiêu chuẩn |  |
| 6.6. Kênh/tần số phát đề nghị (nếu có) |  | 6.7. Ký hiệu phát xạ |  |
| 6.8. Tên/ Mã trạm |  |  |  |
| 6.9. Địa điểm đặt  | Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã: |
| Quận/ huyện: | Tỉnh/thành phố: |
| **7. ĂNG-TEN** |
| 7.1. Kiểu (Nhãn hiệu) |  | 7.2. Phân cực |  |
| 7.3. Hướng tính |  ND D Góc phương vị của hướng bức xạ chính (o): |
| 7.4. Hệ số khuếch đại (dBi) |  | 7.5. Độ cao so với mặt đất (m) |  |
| 7.6. Vị trí (tọa độ) | Kinh độ:........................E / Vĩ độ: .....................................N  |
| 7.7. Cấu trúc bố trí |  |
| **8. TỔN HAO** (dB) (nếu có) |  |
| **9. GIỜ HOẠT ĐỘNG** |  |
| **10. ĐỐI VỚI THIẾT BỊ PHÁT THANH SỐ MẶT ĐẤT VÀ TRUYỀN HÌNH SỐ MẶT ĐẤT** |
| 10.1. Khoảng bảo vệ (Guard interval) |  |
| 10.2. Số lượng sóng mang (Number of carrier) |  |
| 10.3. Chế độ thu (Reception mode) |  |
| 10.4. Kiểu điều chế |  |
| 10.5. Tỉ lệ mã |  |
| 10.6. Pilot pattern |  |
| **11. PHẦN KHAI BỔ SUNG ĐỐI VỚI THIẾT BỊ PHÁT THANH AM BĂNG TẦN MF CẦN ĐĂNG KÝ QUỐC TẾ (BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN KHÁC THEO QUY ĐỊNH CỦA LIÊN MINH VIỄN THÔNG QUỐC TẾ - ITU KHI CÓ YÊU CẦU CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ).** |
| 11.1. Độ dẫn điện đất (Ground conductivity- mS/m) |  |
| 11.2. Hệ số bảo vệ kênh lân cận (Adjacent channel protection radio – dB) |  |
| 11.3. Tăng ích ăng-ten theo các hướng: 0, 10, 20, …, 3500 (cung cấp đối với ăng-ten có hướng) |  |
| **12. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)** |  |
| **13. ĐỐI VỚI ĐÀI PHÁT THANH KHÔNG PHẢI LÀ CƠ QUAN BÁO CHÍ** |
| Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện sở tại cho phép phát sóng các kênh chương trình được kê khai tại Mục 3, Mục 5 của bản khai trên hệ thống phát thanh:………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ(6)***(Chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu của cơ quan, tổ chức)***Họ và tên** |

**Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1d**

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với thiết bị phát thanh truyền hình.

* Đánh dấu “X” vào ô “Cấp” nếu tổ chức đề nghị cấp giấy phép hoặc đánh dấu “X” vào ô “Sửa đổi, bổ sung” và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.
* Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1d nếu đề nghị cấp. Mỗi thiết bị khai vào một tờ khai. Ghi rõ số thứ tự của tờ khai và tổng số tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1d.
* Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1d khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai. Mỗi giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung khai vào một tờ khai. Ghi rõ số thứ tự của tờ khai và tổng số tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.
1. **LOẠI ĐÀI**
* Đánh dấu "X" vào ô "Phát thanh tương tự" nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho đài phát thanh FM.
* Đánh dấu "X" vào ô "Phát thanh số" nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho đài phát thanh số.
* Đánh dấu "X" vào ô "Truyền hình số" nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho đài truyền hình số.
* Đánh dấu "X" vào ô "Khác" nếu chưa thuộc các loại trên và kê khai rõ loại đài phát sóng.

1.1. Áp dụng đối với tổ chức là cơ quan báo chí, đài truyền thanh cấp huyện

Đối với tổ chức là cơ quan báo chí: Ghi số, cơ quan cấp, ngày cấp, thời hạn sử dụng theo Giấy phép hoạt động báo chí đối với nội dung kênh chương trình phát sóng (không áp dụng đối với việc phát lại các chương trình phát thanh, truyền hình của Trung ương);

1.2. Áp dụng đối với tổ chức là cơ quan báo chí, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình:

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình: Ghi số, cơ quan cấp, ngày cấp, thời hạn sử dụng theo Giấy phép thiết lập mạng viễn thông theo quy định.

1.3. Kê khai giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình được phép phát sóng (nếu có).

1. **LOẠI MẠNG**
* Đánh dấu "X" vào ô "Đơn tần" nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho mạng đơn tần.
* Đánh dấu "X" vào ô "Đa tần" nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho mạng đa tần.
* Khác: ghi rõ nếu không phải đơn tần, không phải đa tần.
1. **MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG**

- Đối với phát thanh tương tự: ghi rõ phát sóng, phát lại kênh chương trình nào (ví dụ: phát lại kênh chương trình VOV1 của Đài Tiếng nói Việt Nam).

- Đối với phát thanh số: ghi rõ phát sóng, phát lại kênh chương trình nào (ví dụ: phát lại kênh chương trình VOV1 của Đài Tiếng nói Việt Nam).

* Đối với truyền hình số:

+ Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp truyền dẫn phát sóng truyền hình quảng bá: Ghi phát sóng các kênh chương trình quảng bá (đảm bảo các kênh chương trình được phép phát sóng quảng bá theo quy định).

+ Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền: Ghi phát sóng theo Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số ….

1. **THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP**

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

1. **DANH MỤC KÊNH CHƯƠNG TRÌNH PHÁT SÓNG TRÊN KÊNH TẦN SỐ ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP**

Kê khai danh sách các kênh chương trình phát sóng trên kênh tần số đề nghị cấp phép. Đối với phát thanh số/ truyền hình số kê khai thêm tốc độ bit tối đa/tối thiểu(tính theo Mbit/s)

1. **THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN**
	1. Kê khai đầy đủ tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị/ Hãng sản xuất thiết bị.
	2. Kê khai công suất phát thiết kế của thiết bị.
	3. Kê khai mức công suất phát sóng đề nghị cấp phép (mức công suất trước khi đưa vào ăng-ten, nhỏ hơn hoặc bằng công suất danh định)
	4. Kê khai dải tần số hoặc các kênh tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.
	5. Kê khai hệ tiêu chuẩn của đài do thiết kế chế tạo, ví dụ: DVB-T/T2; DAB+, DRM…
	6. Kê khai kênh phát đề nghị được sử dụng hoặc tần số phát đề nghị được sử dụng (nếu có)
	7. Ký hiệu phát xạ:
* Đối với phát thanh tương tự: Ví dụ: 180KF3EGN (mono); 300KF3EHN (stereo).
* Đối với phát thanh số: kê khai theo quy định. Ví dụ: 1M54X7EXF.
* Đối với truyền hình số: kê khai chung cho cả hình và tiếng. Ví dụ: 8M00X7FXF.
	1. Kê khai Tên/mã trạm đề nghị sử dụng cho đài phát thanh, truyền hình trong khi hoạt động. Trường hợp không kê khai hoặc kê khai thiếu, hô hiệu sẽ do Cơ quan quản lý quy định.
	2. Địa điểm đặt: kê khai đầy đủ địa chỉ đặt thiết bị, tên trụ sở đặt thiết bị, địa chỉ thường trú tại nơi đặt thiết bị (số nhà, đường phố, phường (xã), quận (huyện), thành phố (tỉnh).
1. **ĂNG-TEN**

7.1. Kiểu (Nhãn hiệu): kê khai tên, ký hiệu và hãng sản xuất của ăng-ten theo Tài liệu kỹ thuật (Ví dụ: Dipole, 759101195, Kathrein). Trong trường hợp trên ăng-ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng-ten (ví dụ: Dipole, Panel, lồng, chữ V, tháp, v.v...)

7.2. Phân cực: kê khai loại phân cực của ăng-ten (ví dụ: thẳng đứng, nằm ngang, phân cực tròn,...)

7.3. Hướng tính: kê khai ăng-ten có hướng (D) hay vô hướng (ND) bằng cách đánh dấu "X" vào ô tương ứng. Đối với ăng-ten có hướng (D) kê khai góc phương vị của hướng bức xạ chính (là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ).

7.4. Hệ số khuếch đại (dBi): kê khai rõ hệ số khuếch đại của ăng-ten theo đơn vị dBi.

7.5. Độ cao so với mặt đất (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo mét (m).

7.6. Vị trí (tọa độ): kê khai độ chính xác của kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân.

7.7. Cấu trúc bố trí: kê khai việc bố trí ăng-ten theo thực tế triển khai.

**8. TỔN HAO**

Kê khai tổn hao của hệ thống tính theo đơn vị dB bao gồm tổn hao phi đơ (fider) của hệ thống ăng - ten, tổn hao của kết nối (connector). Mặc định là 0 dB nếu không kê khai.

**9. GIỜ HOẠT ĐỘNG**

Kê khai giờ hoạt động đề nghị. Đối với các Cơ quan báo chí giờ hoạt động kê khai theo Giấy phép hoạt động báo chí. Trường hợp hoạt động vào giờ bất kỳ trong ngày thì ghi “Hx”.

**10. THIẾT BỊ PHÁT THANH SỐ MẶT ĐẤT VÀ TRUYỀN HÌNH SỐ MẶT ĐẤT**

10.1. Khoảng bảo vệ (Guard interval): 1/4; 1/8; 1/16 ...

10.2. Số lượng sóng mang (Number of carrier): 2k; 8k…

10.3. Chế độ thu (Reception mode): kê khai chế độ thu theo quy định: F - thu cố định, M - thu lưu động; A - thu trong nhà; B - thu ngoài trời.

10.4. Kiểu điều chế: kê khai kiểu điều chế của thiết bị (ví dụ: 256-QAM, 64-QAM...).

10.5. Tỉ lệ mã: kê khai tỉ lệ mã của thiết bị.

10.6. Pilot pattern: kê khai mẫu hình tín hiệu Pilot.

**11.** **THIẾT BỊ PHÁT THANH AM BĂNG TẦN MF** (Chỉ áp dụng cho các thiết bị cần đăng ký quốc tế).

11.1. Độ dẫn điện đất: kê khai độ dẫn điện đất theo đơn vị mS/m.

11.2. Hệ số bảo vệ kênh lân cận: kê khai rõ hệ số bảo vệ kênh lân cận theo đơn vị dB.

11.3. Tăng ích ăng-ten theo các hướng:kê khai tăng ích ăng-ten theo các hướng 0, 10, 20, ...3500: áp dụng đối với ăng-ten có hướng

**12. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên nếu có.

**13. ĐỐI VỚI ĐÀI PHÁT THANH KHÔNG PHẢI LÀ CƠ QUAN BÁO CHÍ:**

- Xác nhận đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp huyện sở tại cho phép phát sóng các kênh chương trình phát sóng nào (ghi rõ tên các kênh chương trình) được kê khai tại Mục 3 của bản khai trên hệ thống phát thanh đối với các tổ chức không phải là cơ quan báo chí (ví dụ đài truyền thanh cấp huyện, doanh nghiệp,...)

- Ghi rõ quyền hạn, chức vụ của người ký, ký tên và đóng dấu đối của UBND cấp huyện sở tại đối với văn bản giấy hoặc chữ ký số của UBND cấp huyện sở tại đối với văn bản điện tử.